

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-5-2023
V/v “Ly hôn tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Xuân Lãm
- Bà Lê Thị Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị V, sinh năm: 1983; địa chỉ: khu phố T, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Phan Thanh H, sinh năm: 1976; địa chỉ: khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-7-2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Phan Thanh H tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại xã L, huyện T. Ngày cưới bên chồng có cho đôi bông, dây chuyền, lắc, tất cả là 05 chỉ vàng 24k, sau ngày cưới thì mẹ chồng lấy lại bán trả nợ, do bà mượn tiền mua vàng cho chị, cưới xong chị về sống chung trong căn nhà của anh H. Vợ chồng sống đến tháng 10 năm 2011, chị về nhà cha mẹ ruột ở sinh con, anh H bán đất không cho tiền chi phí sinh đẻ, nuôi con, khi con được 06 tháng chị đi làm gửi con cho mẹ ruột chăm sóc, sau đó cuối tuần anh rước về nhà chơi được vài tháng thì anh bỏ luôn, không đến thăm mẹ con chị nữa, anh ở nhà còn quan hệ tình cảm với nhiều phụ nữ khác, vợ chồng sống ly thân từ năm

đầu năm 2013. Năm 2015 anh đến rước chị về ở lại nhưng chị không đồng ý. Do cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, sống ly thân từ đầu năm 2013 nên chị xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: có 01 cháu Phan Thị Huỳnh H1, sinh 22-10-2011 chị đã nuôi cháu từ khi sinh cho đến nay, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngày 26-4-2023 chị có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30-3-2023 bị đơn anh Phan Thanh H trình bày: anh và chị V tự nguyện cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn, nữ trang ngày cưới vợ chồng có đôi bông, sợi dây chuyền, vợ chồng đã bán chi phí hết, cưới xong vợ về sống chung căn nhà riêng của anh. Năm 2011 vợ về bên vợ sinh con xong ở luôn không chịu về sống với anh, lúc đầu cuối tuần anh có đến rước về chơi, sau đó vợ không chịu về, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2012. Nay vợ xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 01 cháu Phan Thị Huỳnh H1, sinh 22-10-2011 hiện vợ anh đang nuôi, anh đồng ý giao con cho vợ nuôi, anh không có khả năng cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, anh không yêu cầu giải quyết. Ngày 30-3-2023 anh có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị V, anh H có yêu cầu xin vắng mặt có lý do, nên xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh H; về con chung: giao cháu Phan Thị Huỳnh H1, sinh 22-10-2011 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: anh chị khai không có không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị V, anh H có đơn xin vắng mặt có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị V và anh H tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ đầu năm 2013.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh phúc nên sau khi chị V sinh con thì không trở về sống chung với anh H, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2013. Qua làm việc anh H đồng ý ly hôn với chị V. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 01 cháu Phan Thị Huỳnh H1, sinh 22-10-2011, chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; anh H đồng ý theo yêu cầu của chị V. Xét thấy, anh chị thoả thuận tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của cháu H1 và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung*: chị V, anh H không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị V, anh H khai không có, nên không giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị V chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị V đối với anh Phan Thanh H. Chị V được ly hôn với anh H.

2. *Về con chung*: giao cháu Phan Thị Huỳnh H1, sinh 22-10-2011 cho chị V được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị V, anh H không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị V, anh H khai không có nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Trần Thị V chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027035 ngày 19-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị V nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường Lộc Hưng, Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị An